BÁO CÁO
Tổng kết công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long mùa khô năm 2019-2020

(Tài liệu tại Hội nghị được tổ chức ngày 20/6/2020)

Đoàn Chủ tịch Hội nghị

Mùa mưa năm 2019 trên lưu vực sông Mê Công xuất hiện muộn so với trung bình nhiều năm (TBNN), tổng thời gian mưa ngắn, lượng mưa thấp dẫn đến tổng lượng dòng chảy năm về Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) ở mức thấp. Tình trạng trên dẫn đến xâm nhập mặn ở ĐBSCL mùa khô năm 2019-2020 xuất hiện sớm, kéo dài, mức độ gay gắt và liên tục duy trì ở mức cao trong cả mùa khô, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tổng kết công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long mùa khô năm 2019-2020 như sau:

I. TÌNH HÌNH XÂM NHẬP MẶN MÙA KHÔ NĂM 2019-2020

1. Diễn biến xâm nhập mặn

a) Diễn biến xâm nhập mặn ở các cửa sông

- Vùng các sông Cửu Long: Xâm nhập mặn bắt đầu ảnh hưởng đến sản xuất và dân sinh từ tháng 12/2019 và liên tiếp tăng cao; tuy nhiên, diễn biến rất khác nhau ở các cửa sông, cụ thể như sau:

+ Các cửa sông Cửa Tiểu, Cửa Đại, ranh mặn 4 g/lít cao nhất ở mức 57 km (toàn tuyến sông) từ ngày 21/2, sâu hơn khoảng 5 km so với mức sâu nhất năm 2016, sâu hơn TBNN là 19 km; xâm nhập mặn sâu và duy trì liên tục từ tháng 2-4/2020, trong tháng 5, xâm nhập mặn có xu thế giảm nhưng vẫn ở mức cao, từ đầu tháng 6, xâm nhập mặn giảm về mức không ảnh hưởng đến sản xuất và dân sinh.

+ Sông Hàm Luông, ranh mặn 4g/lít cao nhất 78 km (toàn tuyến sông) từ ngày 21/2 và duy trì liên tục trong các tháng 3, 4, sâu hơn khoảng 5 km so với mức sâu nhất năm 2016, sâu hơn TBNN là 35km; từ tháng 5 xâm nhập có xu thế giảm dần, từ đầu tháng 6, xâm nhập mặn giảm nhanh nhưng vẫn ở mức tương đối mức cao so với cùng kỳ những năm gần đây.

+ Sông Cổ Chiên, ranh mặn 4 g/lít đạt mức cao nhất khoảng 68 km, xuất hiện ngày 11/1, sâu hơn khoảng 3 km so với mức sâu nhất năm 2016; xâm nhập mặn duy trì ở mức cao đến hết tháng 2/2020, từ tháng 3 có xu thế giảm, từ đầu tháng 5, xâm nhập mặn không ảnh hưởng đến sản xuất và dân sinh.

+ Sông Hậu (Cửa Định An, Trần Đề), ranh mặn 4g/lít sâu nhất khoảng 65 km xuất hiện ngày 12/2/2020, sâu hơn 6 km so với mức sâu nhất năm 2016, từ tháng 3 có xu thế giảm, từ tháng 5, xâm nhập mặn không ảnh hưởng đến sản xuất và dân sinh.

Vùng các sông Vàm Cỏ: Xâm nhập mặn bắt đầu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và dân sinh từ tháng 1/2020, liên tục tăng cao, đạt mức cao nhất ở sông Vàm Cỏ Đông vào ngày 12/2/2020 với ranh mặn 4 g/lít ở mức 94 km, cao hơn TBNN là 19 km, thấp hơn mức cao nhất năm 2015-2016 là 21 km; trên sông Vàm Cỏ Tây, xâm nhập mặn đạt mức cao nhất vào ngày 14/4/2020 với ranh mặn 4 g/lít ở mức 135 km, cao hơn TBNN là 57 km, cao hơn mức cao nhất năm 2015-2016 là 9 km. Từ tháng 5, xâm nhập mặn giảm dần và bắt đầu giảm mạnh từ đầu tháng 6, nhưng vẫn ở mức tương đối cao.

- Vùng sông Cái Lớn: Xâm nhập mặn bắt đầu ảnh hưởng từ tháng 1/2020, ranh mặn 4g/lít cao nhất khoảng 62 km, xuất hiện ngày 8/4/2020, thấp hơn khoảng 6 km so với mức sâu nhất năm 2016. Từ đầu tháng 5 xâm nhập mặn giảm dần và bắt đầu giảm mạnh từ giữa tháng 5, từ tháng 6 xâm nhập mặn không ảnh hưởng đến sản xuất và dân sinh.

b) Các đợt xâm nhập mặn sâu của từng tháng:

- *Tháng 12/2019,* từ ngày 12-15/12/2019, mặn xâm nhập sâu ở vùng các cửa sông Cửu Long với ranh mặn 4 g/lít sâu nhất đến 57 km (Sông Hàm Luông), sâu hơn trung bình nhiều năm (TBNN) là 24 km, sâu hơn năm 2015 là 17 km.

- *Tháng 01/2020,* xâm nhập mặn đã tăng cao từ ngày 6-13/01/2020 với ranh mặn 4g/lít ở vùng 2 sông Vàm Cỏ (Vàm cỏ Đông, Vàm cỏ Tây) từ 82-85 km, sâu hơn năm 2016 từ 18-20km; vùng cửa sông Cửu Long từ 45-66 km, sâu hơn năm 2016 từ 6-17 km; vùng ven Biển Tây lớn nhất 48km, sâu hơn năm 2016 là 6 km.

- *Tháng 2/2020,* xâm nhập mặn tăng cao từ ngày 8/2 đến 16/2/2020, với ranh mặn 4 g/l tại vùng 2 sông Vàm Cỏ từ 100-110km, sâu hơn cùng kỳ năm 2016 từ 4-6 km, thấp hơn 15-17 km so với mức sâu nhất năm 2016; vùng cửa sông Cửu Long từ 66-75km, sâu hơn cùng kỳ năm 2016 từ 3-10 km, sâu hơn khoảng 4 km so với mức sâu nhất năm 2016; vùng ven biển Tây là 61 km, sâu hơn cùng kỳ năm 2016 khoảng 5km, thấp hơn khoảng 7 km so với mức sâu nhất năm 2016.

- *Tháng 3/2020,* xâm nhập mặn tăng cao từ ngày 8/2 đến 12/3/2020 với ranh mặn 4 g/l sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây từ 85-103km, thấp hơn cùng kỳ năm 2016 từ 2-12km, thấp hơn 23-30km so với mức sâu nhất năm 2016; ở sông cửa Đại, cửa Tiểu và Hàm Luông, xâm nhập mặn liên tục tăng và duy trì ở mức cao, sâu hơn từ 5-7km so với mức sâu nhất năm 2016; ở sông Cổ Chiên và sông Hậu xâm nhập mặn có xu thế giảm từ ngày 17/3, các khu vực cách biển từ 25-30km trở vào có khả năng lấy được nước ngọt; ở vùng ven biển Tây trên sông Cái Lớn, ranh mặn 4g/lít ở mức là 58 km, thấp hơn cùng kỳ năm 2016 khoảng 4km, thấp hơn 10km so với mức sâu nhất năm 2016.

- *Tháng 4/2020,* xâm nhập mặn tăng cao từ ngày 7/2 đến 14/4/2020, với ranh mặn 4 g/l tại sông Vàm Cỏ Tây cao nhất từ đầu mùa khô đạt 135km, cao hơn cùng kỳ năm 2016 15km, cao hơn 9km so với mức sâu nhất năm 2016; ở sông Cửa Đại, Cửa Tiểu và Hàm Luông, mặn tăng cao và duy trì trên toàn tuyến từ 57-78km, sâu hơn khoảng 5-7 km so với mức sâu nhất năm 2016; vùng ven biển Tây trên sông Cái Lớn đạt mức cao nhất từ đầu mùa khô là 62 km, thấp hơn cùng kỳ năm 2016 khoảng 6km, thấp hơn 6km so với mức sâu nhất năm 2016.

- *Tháng 5/2020,* phạm vi xâm nhập mặn tiếp tục ở mức cao đầu tháng 5, với ranh mặn 4 g/l tại sông Vàm Cỏ Tây đạt 130km, cao hơn 4km so với mức sâu nhất năm 2016; trên sông cửa Đại, cửa Tiểu và Hàm Luông, mặn vẫn duy trì ở mức cao từ 57-78km, sâu hơn cùng kỳ năm 2016 từ 15-30 km, sâu hơn khoảng 5-7 km so với mức sâu nhất năm 2016. Trên sông Cổ Chiên và sông Hậu, xâm nhập mặn giảm về mức 33-38km, thấp hơn cùng kỳ năm 2016 3-9km; vùng ven biển Tây trên sông Cái Lớn đạt 53 km, thấp hơn cùng kỳ năm 2016 khoảng 15km.

- *Tháng 6/2020*, mặn trên tất cả cửa sông giảm nhanh, đến ngày 8/6 ranh mặn 4g/l so với tháng 5/2020: sông Vàm Cỏ Tây đạt 76km giảm 54km; trên

sông Cửa Tiểu, Cửa Đại đạt 24km, giảm 33km; sôn Hàm Luông đạt 42km, giảm 36km; trên sông Cổ Chiên và sông Hậu xâm nhập mặn chỉ ảnh hưởng phạm vi cách biển từ 20-25km; trên sông Cái Lớn đạt 40km, giảm 13km.

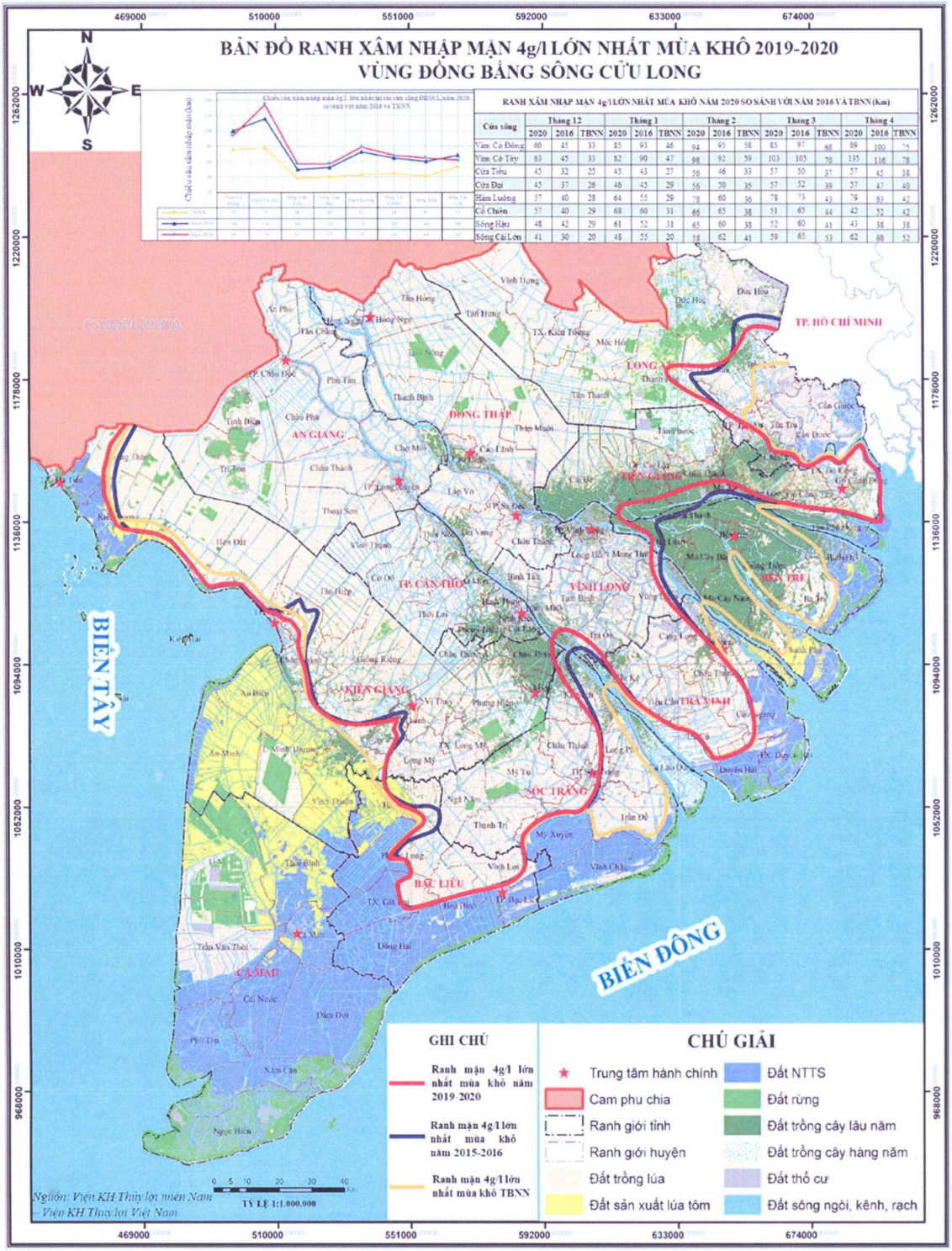

Cụ thể, chiều sâu xâm nhập mặn lớn nhất theo tháng từ đầu mùa khô đến nay như trong bảng sau:

Cửa sông	Chiều sâu XNM lớn nhất (km)								
	Tháng 12/2019	Tháng 1/2020	Tháng 2/2020	Tháng 3/2020	Tháng 4/2020	Tháng 5/2020	Lớn nhất 2019-2020	Lớn nhất 2015-2016	TBNN
Vàm Cỏ Đông	60	85	94	85	89	79	94	115	75
Vàm Cỏ Tây	63	82	98	106	**135**	130	135	126	78
Cửa Tiểu	45	45	**57 (Toàn tuyến)**			57	57	50	38
Cửa Đại	45	46	**57 (Toàn tuyến)**			57	57	52	40
Hàm luông	57	64	**78 (Toàn tuyến)**			78	78	73	43
Cổ Chiên	57	**68**	66	51	42	45	68	65	44
Hậu	48	61	**65**	52	43	41	65	60	41
Cái Lớn	41	48	58	59	62	54	62	68	53

Nhìn chung, xâm nhập mặn mùa khô năm 2019-2020 có 1 số đặc điểm nổi bật, khác với quy luật nhiều năm như sau: (i) Xuất hiện sớm sớm hơn so với cùng kỳ trung bình nhiều năm (TBNN) gần 3 tháng, sớm hơn so với mùa khô năm 2015-2016 gần 1 tháng; (ii) thời gian xâm nhập mặn kéo dài hơn 2-2,5 lần so với mùa khô 2015-2016; (iii) độ mặn ở vùng các cửa sông Cửa Tiểu, Cửa Đại, Hàm Luông liên tục duy trì ở đỉnh, cao liên tục suốt tháng 2 đến tháng 5, hầu như không giảm hoặc giảm không đáng kể trong các kỳ triều thấp, khác với đặc điểm thông thường là tăng theo kỳ triều cường, giảm theo kỳ triều thấp.

2. Nguyên nhân xâm nhập mặn tăng cao

a) Nguồn nước thượng nguồn sông Mê Công bị thiếu hụt

Nguồn nước mùa khô năm 2019-2020 về ĐBSCL thấp hơn nhiều so với những năm gần đây và thấp hơn so với năm 2015 - 2016, thể hiện chủ yếu qua 2 yếu tố chi phối chủ đạo là dòng chảy tại trạm Kratie và lượng trữ tại Biển Hồ Campuchia (Tonle Sap) và như sau:

- Tại trạm Kratie (thuộc Campuchia, trạm đầu châu thổ Mê Công, cách Việt Nam gần 300km): Từ ngày 01/11/2019 đến hết tháng 4/2020, mực nước bình quân đạt 7,08m, thấp hơn TBNN 0,67m, thấp hơn mùa khô 2015-2016 là 0,44m; lưu lượng bình quân khoảng 3.045 m^3/s, thấp hơn TBNN là 1.256 m3/s, thấp hơn năm 2015-2016 là 678 m3/s. Từ ngày 26/3/2020 đến nay, mức nước bình quân gia tăng cao hơn TBNN 0,64 m, tuy nhiên vẫn nhỏ hơn 0,33m so với mùa khô năm 2015-2016. Đây là nguyên nhân chính gây ra xâm nhập mặn sớm, sâu và kéo dài trong mùa khô năm 2019-2020.

- Nguồn nước Biển Hồ Campuchia: Đầu mùa khô năm 2019-2020, tổng

lượng nước tích trữ của Biển Hồ (ngày 1/11/2019) là 24,58 tỷ m3, lớn hơn so với cùng thời điểm năm 2015 là 1,38 tỷ m3, thấp hơn TBNN là 19,16 tỷ m3. Mực nước bình quân tại trạm Prek Kdam (gần Biển Hồ) đến ngày 30/4/2020 thấp hơn 0,18 m so với năm 2015-2016 và thấp hơn TBNN 1,31m. Đây là một trong những nguyên nhân góp phần xâm nhập mặn năm 2019-2020 lớn hơn mặn năm 2015-2016 và TBNN.

b) Thủy triều ở mức cao

Ở vùng ven biển Đông, từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020, mực nước thủy triều luôn ở mức cao hơn mùa khô năm 2015-2016 và TBNN, đỉnh triều ngày 29/12/2019 tại trạm Gành Hào đạt 156 cm, cao hơn 10 cm so với năm 2015. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến xâm nhập mặn xuất hiện sớm đối với các cửa sông Cửu Long và ở mức rất cao. Ngoài ra, trong các đợt triều cường kết hợp với gió chướng đẩy mặn sâu vào trong nội đồng, đây chính là các đợt gió mùa Đông Bắc đã liên tiếp ảnh hưởng đến nước từ trong các tháng đầu năm 2020.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA XÂM NHẬP MẶN ĐẾN SẢN XUẤT VÀ DÂN SINH

1. Phạm vi ảnh hưởng của xâm nhập mặn

Xâm nhập mặn năm 2019-2020 đã ảnh hưởng đến 10/13 tỉnh ĐBSCL. Phạm vi ảnh hưởng của xâm nhập mặn với ranh 4g/l là 1.688.600 ha chiếm 42,5% diện tích tự nhiên toàn vùng, so với năm 2016 cao hơn 50.376 ha. Cụ thể, phạm vi ảnh hưởng của từng địa phương như sau:

STT	Tỉnh	Phạm vi ảnh hưởng lúc cao nhất của ranh mặn 4g/l (ha)	
		Năm 2016	Năm 2020
1	Long An	132.662	118.779
2	Tiền Giang	32.576	57.605
3	Bến Tre	223.899	236.068
4	Vĩnh Long	10.226	26.798
5	Trà Vinh	102.237	117.049
6	Sóc Trăng	78.214	196.876
7	Hậu Giang	10.583	12.055
8	Cà Mau	488.460	488.459
9	Bạc Liêu	191.487	187.455
10	Kiên Giang	267.870	247.445
Tổng		**1.656.054**	**1.688.590**

2. Thiệt hại của sản xuất nông nghiệp

a) Trồng trọt

- Về lúa:

+ Vụ Mùa 2019 (trên đất lúa tôm): Diện tích bị thiệt hại chủ yếu tại tỉnh Cà Mau là 16.500 ha/ 176.700 ha diện tích gieo trồng toàn vùng, chiếm tỷ lệ 9,3%; trong đó, thiệt hại mất trắng (trên 70%) là 14.000 ha, chiếm tỷ lệ 7,9% diện tích gieo trồng.

+ Vụ Đông Xuân 2019-2020: Diện tích lúa đã bị ảnh hưởng do hạn hán, xâm nhập mặn khoảng 41.900 ha/1.541.000 ha tổng diện tích gieo trồng toàn vùng, chiếm tỷ lệ 2,7%; trong đó: Thiệt hại mất trắng (trên 70%) là 26.000 ha, chiếm tỷ lệ 1,7%, (gồm, Trà Vinh 14.300 ha, Tiền Giang 4.500 ha, Sóc Trăng 4.100 ha, Kiên Giang 1.600 ha, Long An 800 ha, Cà Mau 600 ha). Diện tích thiệt hại trên không tính diện tích xuống giống tự phát nằm ngoài kế hoạch khuyến cáo của tỉnh Bến tre khoảng 5.300 ha.

- Cây ăn quả: Diện tích cây ăn quả bị ảnh hưởng do khô hạn, xâm nhập mặn khoảng 6.650 ha (gồm: Long An 2.397 ha, Tiền Giang 2.297 ha, Bến Tre 931 ha, Vĩnh Long 740 ha, Trà Vinh 267 ha, Sóc Trăng 18 ha); trong đó thiệt hại mất trắng (thiệt hại trên 70%) khoảng 355 ha.

- Cây rau màu: Diện tích cây rau màu đã bị ảnh hưởng do hạn hán, xâm nhập mặn khoảng 1.241 ha (Long An 100 ha, Tiền Giang 810 ha, Bến Tre 168 ha, Trà Vinh 87 ha, Sóc Trăng 44 ha, Cà Mau 32 ha), trong đó thiệt hại mất trắng (trên 70%) là 541 ha.

b) Nuôi trồng thủy sản

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại khoảng 8.715,5 ha, gồm: nuôi cá truyền thống 1.234,5 ha, nuôi tôm nước lợ 4.811 ha, nuôi cá da trơn 136 ha, nuôi nhuyễn thế 201 ha, nuôi ngao 2.324 ha. Mức độ thiệt hại ở từng địa phương như sau:

- Tỉnh Tiền Giang: 2.326 ha (gồm: cá da trơn 2 ha, ngao 2.324 ha);

- Tỉnh Bến Tre: 1.377 ha (gồm: cá truyền thống 1.243 ha, cá da trơn 134 ha);

- Tỉnh Bạc Liêu: 200 ha nhuyễn thể;

- Tỉnh Cà Mau: 4.063,5 ha (gồm: nuôi tôm 4.062 ha, nhuyễn thể 1 ha, cá truyền thống 0,5 ha);

- Tỉnh Kiên Giang: 749 ha nuôi tôm.

3. Ảnh hưởng đến nước sinh hoạt

Theo thống kê từ các địa phương, mức độ thiếu nước sinh hoạt lúc cao nhất (từ 6-24/3/2020) tổng cộng khoảng ***96.000*** hộ (khoảng 430.000 người dân), bao gồm: 20.600 hộ thuộc vùng cấp nước từ công trình cấp nước tập trung (22%), 75.400 hộ thuộc vùng cấp nước hộ gia đình (78%), tập trung tại 07 tỉnh (Bến Tre 20.000 hộ, Sóc Trăng 24.400 hộ, Kiên Giang 11.300 hộ, Cà Mau 20.500 hộ, Bạc Liêu 3.300 hộ, Long An 7.900 hộ, Trà Vinh 8.600 hộ).

Nhìn chung, mặc dù phạm vi ảnh hưởng của xâm nhập mặn cao hơn năm 2015-2016 nhưng số hộ thiếu nước sinh hoạt giảm khoảng 114.000 hộ (tương đương 54%) so với năm 2015-2016 (tổng cộng 210.000 hộ).

Nguyên nhân thiếu nước sinh hoạt mùa khô năm 2019-2020

- Ở vùng các công trình cấp nước tập trung: Do cạn kiệt nguồn vì xâm nhập mặn vào sâu.

- Vùng người dân sống ở khu vực xa công trình cấp nước tập trung nông thôn (Kiên Giang, Cà Mau, Bến Tre).

- Nguồn nước mặt bị nhiễm mặn, nguồn nước ngầm suy giảm (Sóc Trăng, Long An, Cà Mau, Bạc Liêu).

- Thiếu dụng cụ trữ nước hộ gia đình (Kiên Giang, Bến Tre, Cà Mau, Sóc Trăng).

4. Ảnh hưởng sạt lở

Hạn hán, thiếu nước kéo dài làm mực nước trên các kênh trục xuống thấp, nhiều tuyến kênh rạch khô cạn, dẫn đến tình sạt lở bờ kênh, đường giao thông và nhà dân sống ven kênh. Cụ thể tình trạng sạt lở tại một số địa phương:

- Tại tỉnh Tiền Giang: Vùng ngọt hóa Gò Công đã xảy ra 112 điểm sạt lở, tổng chiều dài 15.920 m, ước kinh phí xử lý trên 43.682 triệu đồng. Bên cạnh đó sạt lở đã làm thiệt hại về nhà ở của 45 hộ; đất ở, đất trồng cây lâu năm của 44 hộ; cây trái, hoa màu của 19 hộ.

- Tại tỉnh Long An: Sạt lở chủ yếu xảy ra tại các huyện Tân Trụ, Cần Giuộc, Thạnh Hóa, với tổng chiều dài sạt lở khoảng 200 m.

- Tỉnh Cà Mau: Sạt lở bờ kênh nhiều tuyến đường giao thông, gồm:

+ Tuyến đường do cấp tỉnh quản lý: sụt lún 9 điểm, tổng chiều dài 250 m.

+ Tuyến đê biển Tây: sụt lún tại đoạn Đá Bạc-Kênh Mới với tổng chiều dài 240 m, nguy cơ sụt 4.215 m.

+ Giao thông nông thôn: Tổng chiều dài sụt lún 24.957 m, tập trung ở huyện Trần Văn Thời 23.289 m, thành phố Cà Mau 754 m, huyện U Minh 914 m.

- Tỉnh Kiên Giang: Sụt lún ảnh hưởng đến các tuyến đê bao và lộ giao thông nông thôn huyện U Minh Thượng với tổng chiều dài sụt lún khoảng 1.500 m.

- Tỉnh Vĩnh Long: Ảnh hưởng đến 3 hộ dân, 14 điểm sạt lở, tổng chiều dài 470 m, ước thiệt hại 888 triệu đồng.

- An Giang: 09 điểm sụp lún, sạt lở đất bờ sông, kênh, rạch (Tân Châu 0,1, An Phú 03, Chợ Mới 01, Châu Phú 04), tổng chiều dài sạt lở 225 m, 08 căn nhà phải di dời khẩn cấp, ước thiệt hại khoảng 1,7 tỷ đồng.

III. HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG HẠN HÁN, XÂM NHẬP MẶN

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Việc chỉ đạo tăng cường các giải pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn đã được Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương quan tâm thực hiện sớm, quyết liệt, cụ thể:

- Thủ tướng Chính phủ đã tổ chức làm việc với lãnh đạo các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long về công tác phòng, chống sạt lở và sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 ngày 27/9/2019 tại tỉnh Tiền Giang;

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 04/CT-TTg ngày 22/1/2020 về việc triển khai các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn;

- Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã chủ trì Hội nghị "Phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm sản xuất nông nghiệp và dân sinh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long mùa khô năm 2019-2020" ngày 3/1/2020 tại tỉnh Bến Tre;

- Thủ tướng Chính phủ đã tổ chức làm việc với một số địa phương bị ảnh hưởng nặng hạn hán, xâm nhập mặn ngày 8/3/2020 tại tỉnh Bến Tre;

- Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 504/QĐ-TTg ngày 10/4/2020 hỗ trợ cho 8 tỉnh vùng ĐBSCL tổng cộng 530 tỷ đồng từ nguồn ngân sách dự phòng Trung ương 2020 để các địa phương chi trả và tiếp tục triển khai cho việc thực hiện các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn;

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Chỉ thị số 8008/CT-BNN-TCTL ngày 25/10/2019 về việc tăng cường thực hiện các giải pháp thủy lợi phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh mùa khô năm 2019-2020 và nhiều văn bản chỉ đạo chuyên môn về phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn khu vực ĐBSCL;

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Tổ công tác tiền

phương do 1 đồng chí Thứ trưởng làm tổ trưởng, đã thường xuyên tổ chức các đoàn công tác làm việc với các địa phương bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn để bám sát tình hình, đẩy mạnh các giải pháp phòng, chống, giúp địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Ở các địa phương, hầu hết các Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong khu vực bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn đã ban hành các chỉ thị, kế hoạch, phương án, văn bản chỉ đạo tăng cường thực hiện giải pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, chỉ đạo, giúp đỡ, hỗ trợ người dân phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn.

2. Đánh giá hiệu quả các giải pháp ứng phó đã thực hiện

Để chủ động đối phó với ảnh hưởng của xâm nhập mặn, giảm thiểu thiệt hại thấp nhất đối với sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt, một số giảm pháp hữu hiệu đã được triển khai thực hiện như sau:

a) Các giải pháp chung

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức theo dõi, giám sát, dự báo tình hình nguồn nước liên tục từ tháng 6/2019, tình trạng xâm nhập mặn đã được dự báo sớm và xác định cụ thể phạm vi và mức độ ảnh hưởng, làm cơ sở để báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện sớm, quyết liệt các giải pháp ứng phó, đặc biệt là việc đẩy sớm thời vụ gieo trồng lúa Đông Xuân 2019-2020.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đẩy nhanh tiến độ các công trình thủy lợi, kịp tham gia kiểm soát mặn, ngọt ngay trong mùa khô 2019-2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với các địa phương đã đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đầu tư xây dựng do Bộ quản lý vượt kế hoạch từ 6-13 tháng, 5 dự án đã được đưa vào tạm thời vận hành phòng, chống xâm nhập mặn từ tháng 12/2019, tháng 1/2020, như: Cống Âu Ninh Quới (HTTL Quản Lộ- Phụng Hiệp); Trạm bơm Xuân Hòa (tỉnh Tiền Giang); các cống Tân Dinh, Bông Bót, Vũng Liêm (Hệ thống thủy lợi Nam Mang Thít), 18 cống kiểm soát mặn thuộc Dự án Bắc Bến Tre giai đoạn 1; Nạo vét kênh Mây Phốp – Ngã Hậu,… Các công trình này ***đã chủ động trực tiếp kiểm soát xâm nhập mặn khoảng 83.000 ha và hỗ trợ kiểm soát ảnh hưởng xâm nhập mặn cho 300.000 ha***. Trong thời gian tới, một số dự án đang được thực hiện sẽ tiếp tục bảo đảm chủ động kiểm soát xâm nhập mặn tốt hơn, như: Hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre, Cái Lớn - Cái Bé, Tứ Giác Long Xuyên,...

- Các giải pháp dẫn nước, trữ nước: Các địa phương đã triển khai nhiều giải pháp dẫn nước, trữ nước, như: đắp đập tạm ngăn mặn tại các nhánh sông chưa có công trình điều tiết ngăn mặn (Kiên Giang, Hậu Giang, Bến Tre, Tiền

Giang...), nạo vét kênh mương để dẫn nước, lắp đặt trạm dã chiến, tổ chức bơm chuyền để tận dụng nguồn nước. Các giải pháp này đã mang lại hiệu quả cao, điển hình như: việc đắp đập tạm đã ngăn mặn xâm nhập vào trong nội đồng, đồng thời trữ lại lượng nước ngọt sẵn có, nhiều nơi đã bảo đảm dự trữ đủ để cấp nước tưới cho cây trồng, việc nạo vét kênh mương, tăng cường bơm nước đã tận dụng được nguồn nước ngọt khi xâm nhập mặn không lên cao (vào kỳ triều kiệt).

- Tổ chức vận hành hợp lý các hệ thống công trình thủy lợi tranh thủ lấy, trữ nước ngọt: Trên cơ sở theo dõi độ mặn, các địa phương đã tổ chức tốt việc vận hành các hệ thống công trình thủy lợi, bảo đảm tận dụng nguồn nước ngọt khi điều kiện cho phép; việc điều hành dẫn nước các hệ thống liên tỉnh, nhất là ở các vùng sản xuất mặn – ngọt đan xen (Bạc Liêu – Sóc Trăng, Gò Công, Trà Vinh..) được tổ chức hợp lý, không xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp nguồn nước giữa các địa phương liên quan.

- Về sản xuất lúa, tổ chức xuống giống vụ Đông - Xuân 2019-2020 sớm hơn so với thời vụ các năm trước từ 10 đến 20 ngày; thời gian xuống giống từ đầu tháng 10 và cơ bản kết thúc xuống giống trong tháng 12/2019 để bảo đảm né thời điểm xâm nhập mặn lên cao; tổng diện tích gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2019-2020 ***đạt 1.541.000 ha*** (*không tính diện tích gieo trồng tự phát ngoài kế hoạch của tỉnh Bến Tre khoảng 5.300 ha, vì tỉnh đã chỉ đạo không gieo trồng lúa Đông Xuân do dự báo trước ảnh hưởng của khô hạn và xâm nhập mặn*), trong đó:

+ Diện tích xuống giống trong tháng 10/2019 đạt 473.000 ha, nhiều hơn cùng kỳ vụ Đông - Xuân năm 2015-2016 khoảng 300.000 ha, chủ yếu tập trung tại các tỉnh ven biển.

+ Diện tích xuống giống tháng 11/2019 đạt 714.000 ha, nhiều hơn cùng kỳ Đông - Xuân 2015-2016 khoảng 150.000 ha, trong đó: vùng phù sa ngọt khoảng 500.000 ha không bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn và hạn; vùng ven biển khoảng 214.000 ha.

+ Diện tích xuống giống trong tháng 12/2019 là 290.000 ha lúa; trong đó, diện tích vùng phù sa ngọt 224.000 ha không bị ảnh hưởng hạn, mặn.

+ Diện tích xuống giống tháng 01/2020 do dân gieo sạ không theo khuyến cao khung thời vụ của Bộ và địa phương là trên 60.000 ha (Trà Vinh khoảng 19.000 ha, Sóc Trăng 21.000 ha, Bạc Liêu 25.000 ha, Bến Tre 5.000 ha).

+ Đã tổ chức chuyển đổi diện tích cây trồng trên đất lúa có nguy cơ hạn, xâm nhập mặn cao đạt 50.000 ha, trong đó: cây rau màu hằng năm 45.300 ha, cây ăn quả lâu năm 3.450 ha và nuôi trồng thủy sản 1.200 ha. Ngoài ra, diện tích chủ động cắt vụ, giãn vụ đạt xấp xỉ 100.000 ha.

Các diện tích lúa Đông Xuân bị thiệt hại do hạn hán, thiếu nước, xâm

nhập mặn chủ yếu ở các diện tích xuống giống muộn sau tháng 12/2019, do người dân tự phát thực hiện, không theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn.

- Đối với việc bảo vệ các diện tích cây ăn quả: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành tài liệu "Hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây ăn trái trong điều kiện hạn, mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long"; các địa phương tổ chức củng cố hệ thống đê bao và đê quanh vườn để ngăn ngừa nước mặn xâm nhập; không tiến hành rải vụ, trồng mới trong thời gian hạn hán, xâm nhập mặn nếu nguồn nước ngọt không đảm bảo cung cấp đầy đủ cho cây.

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến thông tin về tình trạng xâm nhập mặn và hướng dẫn các giải pháp phòng, chống trên các phương tiện thông tin đại chúng (VTV, VOV, Truyền hình Nhân dân, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nông nghiệp Việt Nam,..); điển hình, như: thông tin cập nhật tình hình nguồn nước, hạn hán, xâm nhập mặn ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, giới thiệu giải pháp xử lý nước ăn uống cho hộ gia đình trong thiên tai, hiện trạng và giải pháp cấp nước sinh hoạt nông thôn tại các địa phương. Ngoài ra, còn sử dụng các mạng xã hội, tin nhắn điện thoại để đưa tin (tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long nhắn tin SMS, zalo cho cá nhân liên quan, phổ biến trên mạng facebook,..). Giải pháp này đã giúp các địa phương, người dân tiếp cận được thông tin, tình hình hạn hán, xâm nhập mặn nhanh để chủ động có giải pháp ứng phó.

- Về cấp nước sinh hoạt nông thôn: Các tỉnh đã thực hiện các giải pháp cấp bách thực hiện phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, như: lắp đặt trạm bơm dã chiến, nạo vét kênh mương, đắp đập tạm, đào ao, giếng trữ nước ngọt, kéo dài đường ống cấp nước sinh hoạt, hỗ trợ người dân mua thiết bị lọc, trữ nước, vận chuyển nước cho người dân, bệnh viện, trường học tại vùng khó khăn về nguồn nước ngọt, cụ thể:

+ Tổ chức truyền thông cho các hộ gia đình khu vực thiếu nước về trữ nước và sử dụng nước tiết kiệm trong thời gian hạn hán, xâm nhập mặn.

+ Thực hiện việc chở nước miễn phí cấp nước cho khoảng 20.600 hộ (22%); hỗ trợ người dân lắp đặt bồn trữ nước 37.300 hộ (39%); hỗ trợ bình nước uống các loại 11.800 hộ (12%); mở rộng kéo dài tuyến ống, khoan bổ sung giếng ngầm, đắp đập tạm cấp nước cho khoảng 22.300 hộ (23%); lắp đặt thiết bị lọc nước cấp nước khoảng 4.000 hộ (4%).

b) Các giải pháp cụ thể của các địa phương

*** Tỉnh Long An:**

- Triển khai đắp 02 đê quây kết hợp ngăn mặn tại huyện Thạnh Hoá; đắp 04 đập tạm ngăn mặn trên các kênh, rạch cắt ngang Quốc lộc 62 (rạch Bà Định, Thủ Cồn, La Khoa, kênh Bến Kè), kịp thời ngăn mặn cho 62.000 ha

vùng dự án Bắc Đông của 2 tỉnh Long An và Tiền Giang; 32 đập tạm trên các kênh nội đồng tại huyện Thủ Thừa, Tân Trụ, lắp đặt máy bơm và tổ chức bơm nước nhiều cấp chống hạn; lắp đặt 16 cửa cống ngăn mặn nằm dọc tuyến Quốc lộ 62.

- Ngoài ra, ngay từ sau đợt hạn hán, xâm nhập mặn mùa khô năm 2015-2016, tỉnh Long An đã chủ động rà soát, tổng hợp các danh mục ưu tiên, cấp bách để đầu tư nạo vét, tu bổ các công trình chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, cụ thể như sau:

+ Triển khai thi công 07 công trình ưu tiên về nạo vét kênh, rạch phục vụ chống hạn hán, xâm nhập mặn . Tổng kinh phí đầu tư 93,816 tỷ đồng (trong đó nguồn Trung ương hỗ trợ 62,8 tỷ đồng).

+ Triển khai thi công 05 trạm cấp nước tập trung và kéo đường ống cấp nước trên địa bàn các huyện Cần Giuộc, Châu Thành, Tân Trụ, Đức Huệ với tổng kinh phí đầu tư 23,312 tỷ đồng (trong đó NSTW hỗ trợ 15,323 tỷ đồng; NSĐP 3,5 tỷ đồng).

- Phối hợp tỉnh Tiền Giang cho mở các cống Rạch Gốc, Cầu Quán, Quản Thọ để dẫn nước ngọt từ Hệ thống Rạch Chanh - Nguyễn Văn Tiếp về vùng Bảo Định, tạo nguồn nước tưới cho trên 10.000 ha cây thanh long của huyện Châu Thành.

- Về cấp nước sinh hoạt nông thôn: Hỗ trợ 1.500 bồn trữ nước (dung tích 300 lít/bồn); 15 máy lọc nước mặn cấp cho các hộ nghèo, cận nghèo thuộc huyện Cần Giuộc; chở nước 20.510 m^3 nước ngọt cho các hộ bị ảnh hưởng; hỗ trợ vay vốn ngân hàng chính sách xã hội để trang bị dụng cụ trữ nước và lắp đặt đồng hồ cho các hộ sử dụng nguồn nước từ công trình cấp nước tập trung khu vực lân cận.

*** Tỉnh Bến Tre:**

- Đã tổ chức được 135 cuộc tập huấn, sinh hoạt, toạ đàm, hội thảo, 290 cuộc tư vấn nông hộ với trên 3.850 lượt nông dân tham dự để tuyên truyền, tư vấn cho người dân áp dụng các giải pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn và biện pháp kỹ thuật chăm sóc cho cây trồng, như: nạo vét kênh mương trữ nước, củng cố hệ thống đê bao cục bộ, ủ gốc để tăng cường giữ ẩm, tăng cường bón phân hữu cơ nhằm tăng khả năng chống chịu của cây; hướng dẫn người dân các biện pháp tiêu độc, sát trùng chuồng trại, phòng ngừa các loại bệnh lở mồm long móng và các loại bệnh khác thường xảy ra trong mùa khô.

- Bố trí gần 50 điểm đo mặn trên các sông, kênh rạch, công trình đầu mối, các nhà máy nước để vận hành công trình lấy, trữ nước hợp lý; tổ chức đo kiểm tra độ mặn trong nội đồng và thông tin rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Nạo vét khoảng 260 km kênh mương nội đồng với tổng khối lượng gần 840.000 m3; sửa chữa, nâng cấp 19 công trình cống và 06 bờ bao.

- Vận hành Hồ chứa nước ngọt Kênh Lấp, huyện Ba Tri, với trữ lượng 800.000 m3 nước, tạo nguồn cung ổn định cho các nhà máy nước sinh hoạt phục vụ khoảng 200.000 người dân.

- Đắp 06 đập tạm để ngăn mặn khu vực sông Ba Lai và nhiều đập tạm khác; mua sắm các thuyền bơm; lắp đặt trạm đo mặn tự động tại các trạm bơm;....

- Về cấp nước sinh hoạt nông thôn: Trang bị và vận hành thiết bị lọc nước nhiễm mặn RO cho 18/35 trạm cấp nước phụ vụ người dân trong thời gian hạn mặn; kéo dài tuyến ống (65km) và đầu tư nâng cấp công suất 2 nhà máy cấp nước cho người dân vùng bị ảnh hưởng; hỗ trợ khoảng 18.000 bồn trữ nước và 160.000 dụng cụ trữ nước uống các loại, 732 máy lọc nước mặn hộ gia đình và 16 hệ thống lọc nước mặn tập trung; chở nước miễn phí cho người dân (mỗi ngày tối thiểu 2.000 m^3 nước sạch) và lắp đặt gần 100 điểm cấp nước ngọt miễn phí cho các hộ dân trong thời gian hạn mặn gay gắt.

*** Tỉnh Trà Vinh:**

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Nông nghiệp và PTNT đẩy nhanh tiến độ, đưa vào sử dung tạm thời 02 cống ngăn mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (Cống Tân Dinh, Bông Bót), công trình Nạo vét kênh Mây Phốp – Ngã Hậu dẫn nước ngọt từ cống Vũng Liêm (tỉnh Vĩnh Long) về Trà Vinh.

- Triển khai nạo vét 284,2 km kênh, khối lượng đào 8.081,589 m^3, khối lượng đắp 1.932.843 m^3, kinh phí thực hiện 21,596 tỷ đồng.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về tình hình xâm nhập mặn, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật ứng phó với hạn, mặn trên cây trồng và vật nuôi nhằm hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất cho người dân (78 lớp/2.340 người dân, kinh phí thực hiện 70,2 triệu đồng).

- Tuyên truyền, vận động người dân trục vớt lục bình (211,13 km/744,66 km; 1.046.050 m^2), các loại cây cối, rác trên các kênh thủy lợi nội đồng nhằm thông thoáng dòng chảy.

- Về cấp nước sinh hoạt nông thôn: Thực hiện đắp đập tạm ngăn mặn giữ ngọt cho 10 công trình cấp nước sử dụng nước mặt tại các huyện Càng Long, Châu Thành; thực hiện kéo dài tuyến ống (16km) cấp nước cho các hộ dân khu vực lân cận nhà máy nước đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho 8.600 hộ bị ảnh hưởng.

*** Tỉnh Sóc Trăng:**

- Đầu tư xây dựng 16 trạm bơm; sửa chữa 45 công trình cống; nạo vét 53 tuyến kênh trục tạo nguồn do tỉnh quản lý và hỗ trợ kinh phí nạo vét các tuyến kênh cấp 2 do các huyện quản lý theo phân cấp, tổng chiều dài nạo vét trên 4.395 km. Tổng kinh phí thực hiện 1.075 tỷ đồng.

- Sau đợt hạn hán, xâm nhập mặn năm 2015-2016 đến trước mùa khô năm 2019-2020 đã đầu tư mở rộng được 456.411 mét đường ống cấp nước từ công trình cấp nước tập trung, giải quyết nước sinh hoạt cho thêm 16.428 hộ, với số công trình thực hiện là 31 công trình (trong đó xây dựng mới 04 công trình), nguồn vốn đã huy động đầu tư được là 126 tỷ đồng.

- Từ mùa khô năm 2019-2020 đến nay đã đầu tư mở rộng được 265.822 m đường ống cấp nước, giải quyết nước sinh hoạt cho thêm 8.125 hộ dân, tập trung tại các huyện Trần Đề, Long Phú, Mỹ Tú, Ngã Năm. Đồng thời trong thời gian hạn hán, xâm nhập mặn cao điểm, thực hiện giải pháp cấp bách chở nước sinh hoạt cho 71 hộ dân thuộc xã Thạnh Thới An, Thạnh Thới Thuận và Liêu Tú huyện Trần Đề.

- Về cấp nước sinh hoạt nông thôn: Thực hiện kéo dài tuyến ống tổng cộng 460 km cấp nước cho khoảng 16.500 hộ dân và đang tiếp tục hoàn thiện thêm 600 km đường ống bảo đảm cấp nước cho 22.400 hộ dân; hỗ trợ khoảng 600 bồn chứa nước hộ gia đình và 200 thiết bị lọc nước cho các hộ dân không được tiếp cận nguồn cấp nước tập trung.

*** Tỉnh Bạc Liêu:**

- Từ cuối tháng 01 năm 2020, cống âu thuyền Ninh Quới do Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 10 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư đã hoàn thành cơ bản và được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vận hành tạm thời để kiểm soát mặn, ngọt, ngăn không cho nước mặn xâm nhập qua Ngã Năm - Sóc Trăng trong mùa khô năm 2019-2020. Việc vận hành cống âu thuyền Ninh Quới đã mang lại hiệu quả to lớn cho lưu vực 150.000 ha của công trình này: Mặn đã không xâm nhập qua thị xã Ngã Năm – Sóc Trăng và một phần tỉnh Hậu Giang; vụ lúa Đông Xuân của khu vực đã thắng lợi do có đủ nước ngọt; diện tích nuôi trồng thủy sản Bạc Liêu được cấp đủ nước mặn sớm hơn năm 2019.

- Trong năm 2019 và đầu năm 2020, toàn tỉnh đã thi công hoàn thành đưa vào sử dụng 188 công trình nạo vét kênh tạo nguồn để dẫn nước và trữ nước phục vụ sản xuất, tổng chiều dài 764.650 m, tổng vốn đầu tư 150.037 triệu đồng từ nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2019.

- Đã tổ chức kiểm tra, duy tu toàn bộ hệ thống cống, trạm bơm, máy bơm trong tỉnh để phục vụ phòng, chống hạn hán.

- Tổ chức nạo vét, khơi luồng: 13 kênh cấp 2, cấp 3 vượt cấp; 130 kênh cấp 3 và nội đồng; đắp 176 đập tạm để ngăn mặn và bơm chuyền nước ngọt phục vụ sản xuất.

- Về cấp nước sinh hoạt nông thôn: Địa phương đã ứng vốn đầu tư mở rộng 36 km mạng lưới đường ống và khoan bổ sung 4 giếng nước ngầm để cấp nước cho khoảng 3.300 các hộ dân bị ảnh hưởng.

*** Tỉnh Cà Mau:**

- Sau đợt hạn mặn 2015-2016 đến này, đã có 1.205 công trình được triển khai thực hiện từ nguồn vốn phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn như nạo vét kênh mương, xây dựng đập, trạm bơm, cống,.... Cụ thể: xây dựng 4 trạm bơm, 101 cống ngăn mặn, 6 đập tạm, 1.094 tuyến kênh mương được nạo vét. Trong đó, mùa khô 2019-2020 có 173 công trình kênh mương được nạo vét với chiều dài hơn 651km, khối lượng nạo vét khoảng 6.184.000 m^3.

- Thông qua các chương trình, dự án như Đề án Đẩy mạnh quản lý dịch hại tổng hợp IPM trên cây trồng giai đoạn 2016-2020, Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Đề án tuyển chọn giống lúa chủ lực chất lượng cao chịu phèn, mặn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016-2020, Chương trình Khuyến nông địa phương,... đã chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật như "3 giảm, 3 tăng", "1 phải, 5 giảm", sử dụng bộ giống lúa chống chịu phèn, mặn trong canh tác, sử dụng nước tiết kiệm, ...giúp nông dân nâng cao hiệu quả, chất lượng, giảm chi phí, hạn chế tối đa thiệt hại trong quá trình sản xuất.

- Về cấp nước sinh hoạt nông thôn: Tuyên truyền vận động người dân chủ động sử dụng các giải pháp cấp và trữ nước hộ gia đình; hỗ trợ 1.900 thùng và bồn nhựa trữ nước, 200 thiết bị lọc nước hộ gia đình; vận chuyển nước ngọt miễn phí (1000 m^3) cho người dân nghèo, sống phân tán tại đảo Hòn Chuối.

*** Tỉnh Kiên Giang:**

- Quản lý, vận hành hệ thống cống trên tuyến đê biển Hòn Đất – Kiên Lương, địa bàn huyện Giang Thành, thành phố Rạch Giá và ven sông Cái Bé thuộc huyện Châu Thành (55 cống), vùng U Minh Thượng (17 cống), dự án thủy lợi Ô Môn – Xà No (35 cống) để ngăn mặn, giữ ngọt hiệu quả đảm bảo phục vụ cho sản xuất vụ Mùa, Đông Xuân 2019-2020.

- Gia cố, đắp mới 202 đập ngăn mặn theo thời vụ; trong đó, có 04 đập lớn bằng cừ thép Larsen để bảo vệ lúa trong vụ Mùa, Đông Xuân 2019-2020, tiếp tục phòng, chống hạn mặn cho vụ Hè Thu 2020 và đảm bảo nước sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Sau đợt hạn mặn 2015-2016: Tỉnh đã đầu tư xây dựng hoàn thành 06 cống phục vụ ngăn mặn, giữ ngọt trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Hệ thống cống ven biển thành phố Rạch Giá: Đã xây dựng hoàn thành 02/03 cống (cống Sông Kiên, cống Kênh Cụt). Còn cống kênh Nhánh đã thi công từ tháng 10/2019, dự kiến đến tháng 12/2020 hoàn thành.

+ Hệ thống cống ven sông Cái Lớn, Cái Bé: Đã xây dựng hoàn thành 03/07 cống (cống Rạch Cà Lang, cống Kênh Đập Đá, cống Kênh Sóc Tràm). Còn 04 cống đang tổ chức thi công xây dựng, trong đó: Cống rạch Tà Niên đã thi công từ tháng 12/2019, dự kiến đến tháng 06/2020 hoàn thành; cống Cái Lớn, Cái Bé đang được Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức thi công xây dựng, dự kiến hoàn thành vào năm 2021; cống âu thuyền Vàm Bà Lịch đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt vào tháng 11/2019, dự kiến khởi công xây dựng vào tháng 6/2020, đến cuối năm 2021 hoàn thành đưa vào sử dụng.

+ Hệ thống cống ven biển An Biên - An Minh: Đã xây dựng hoàn thành cống Xẻo Nhào.

- Đối với vùng ven biển An Biên - An Minh, một số khu vực cục bộ ở thành phố Rạch Giá, huyện Châu Thành, Gò Quao, Kiên Lương, Giang Thành bị xâm nhập mặn do hệ thống cống ngăn mặn chưa được xây dựng đồng bộ, tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương khảo sát, rà soát, nắm chắc tình hình có biện pháp gia cố, đắp mới các đập thời vụ tại các khu vực có khả năng bị nhiễm mặn. Thường xuyên kiểm tra, có giải pháp khắc phục ngay các điểm xâm nhập mặn, thiếu nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt vùng nông thôn.

- Về cấp nước sinh hoạt nông thôn: Bố trí kinh phí đầu tư mở rộng mạng lưới đường ống, nâng công suất nhà máy cấp nước để bảo đảm cung cấp cho 9.000 hộ. Cấp nước bằng xe bồn, téc cho các hộ dân trong thời gian xâm nhập mặn lên cao; khoan bổ sung 4 giếng nước ngầm cấp tạo nguồn nước cho các trạm: An Biên, Kiên Lương và U Minh Thượng.

*** Tỉnh Hậu Giang:**

- Triển khai hoàn thành 10 trạm đo mặn tự động, số liệu cung cấp hiệu quả cho công tác chỉ đạo, điều hành.

- Hút bùn, nạo vét cửa cống Tiểu dự án, vận hành đóng mở hợp lý các cửa cống Ô Môn - Xà No, các cống trên tuyến đê bao Long Mỹ - Vị Thanh, cống Năm Căn, cống Hậu Giang 3,... theo độ mặn ngoài sông; đắp 74 đập thời vụ (đập đất), đảm bảo ngăn mặn kịp thời và bảo vệ kịp thời cho sản xuất cũng như sinh hoạt cho người dân.

- Từ năm 2016 đến 2019 đã đầu tư nhiều trạm bơm, cống, đập tạm,… phục vụ phòng chống hạn, măn. Cụ thể:

+ Năm 2016, đầu tư 08 trạm bơm, 61 cống hở phục vụ cho 2.368 ha; 08 cống ngăn mặn Long Mỹ - Phụng Hiệp; nạo vét 09 tuyến kênh, chiều dài 77.228 m; đắp đập tạm trên kênh Hậu Giang 3.

+ Năm 2017, đầu tư 12 trạm bơm, 78 cống hở phục vụ cho 3.067 ha; nạo vét 27 tuyến kênh, chiều dài 311.342 m; đắp 20 đập tạm.

+ Năm 2018, đầu tư 29 trạm bơm, 55 cống hở phục vụ cho 5.622 ha; nạo vét 22 tuyến kênh, chiều dài 229.948 m; đắp 8 đập tạm; xây dựng 21 đập thời vụ ngăn mặn.

+ Năm 2019, đầu tư 08 trạm bơm, 32 cống hở phục vụ cho 1.981 ha; nạo vét 20 tuyến kênh, chiều dài 231.428 m; đắp 10 đập tạm.

*** Thành phố Cần Thơ:**

- Tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác PCTT-TKCN năm 2019 và đề ra nhiệm vụ công tác PCTT-TKCN năm 2020 (ngày 06/02/2020), sớm hơn hàng năm khoảng 03 tháng, Hội nghị đã triển khai sâu rộng Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ đến tất cả thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn.

- Thiết lập 02 trạm đo mặn cố định và 01 trạm đo mặn lưu động phục vụ công tác phòng, chống xâm nhập mặn năm 2019-2020 trên sông Hậu thuộc phường Tân Phú, quận Cái Răng - giáp ranh địa phận tỉnh Hậu Giang, phối hợp với Sở Tài Nguyên và Môi trường, Đài Khí tượng thủy văn Cần Thơ tổ chức đo đạc, giám sát, cảnh báo xâm nhập mặn tại các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng xâm nhập mặn để hướng dẫn người dân lấy nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt một cách phù hợp nhất.

*** Tỉnh Tiền Giang:**

- Để chủ động trữ nước trên các hệ thống kênh trục và các tuyến kênh nhánh trong vùng dự án, tỉnh đã tổ chức 9 điểm bơm (Bình Phan, cống Sơn Qui, đầu kênh Trần Văn Dõng, đầu kênh Champeaux, đầu kênh Đìa Xanh, đầu kênh N8, đầu kênh Rạch lớn, đầu kênh Salicette, trên Kênh 14), đảm bảo phục vụ tưới cho khoảng hơn 23.000 ha lúa vụ Đông Xuân 2019-2020 với tổng lượng bơm đạt 23,629 triệu m3; tổ chức bơm trữ nước trên kênh nội đồng và trên ruộng trong 284.460 giờ với 439 điểm bơm và 1.404 máy bơm.

- Theo Kế hoạch tỉnh đã ban hành, trong mùa khô năm 2019-2020 sẽ tổ chức đóng các đập thép dọc theo bờ Đông-Tây kênh Nguyễn Tấn Thành để ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân. Tuy nhiên, do diễn biến mặn phức tạp, độ mặn trên các sông tăng cao đột biến, xâm nhập sớm hơn so với dự báo nên tỉnh thay đổi giải pháp tổ chức đắp đập trên kênh

Nguyễn Tấn Thành thay cho các đập thép Đông-Tây kênh Nguyễn Tấn Thành. Sau khi đắp đập trên kênh Nguyễn Tấn Thành, mặn tiếp tục lấn sâu và xâm nhập theo và các tuyến kênh nhánh nên tiếp tục triển khai đắp 9 trên các kênh nhánh. Tuy nhiên, một số vị trí đắp trên kênh Nguyễn Tấn Thành mặn đã xâm nhập vào nên phải tiến hành xả nước mặn bằng cách bố trí 10 thuyền bơm tổng công suất 22.000 m^3/giờ tại đập thép Nguyễn Tấn Thành để bơm rút nước mặn từ đập thép đến cầu Long Định và xả qua cống Bảo Định, tổng lượng nước mặn đã bơm ra khoảng 11,4 triệu m^3. Theo giải pháp này, đã đảm bảo nước sinh hoạt cho 1.100.000 người dân (Tiền Giang: 800.000 người và Long An: 300.000 người) và đảm bảo cấp nước ngọt cho 100.000 ha diện tích sản xuất nông nghiệp của 02 tỉnh Tiền Giang và Long An.

- Để ngăn mặn xâm nhập từng hướng sông Vàm Cỏ, tỉnh đã chủ động phối hợp với tỉnh Long An đắp 6 đập (Bà Hai Màng, Ông Nhượng, Bà Định, Thủ Cồn, La Khoa, Bến Kè) và các cống trên Quốc lộ 62, hạn chế thiệt hại do xâm nhập mặn gây ra cho vùng dự án Bảo Định.

- Ngoài việc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi đang triển khai dở dang để đưa vào vận hành ngăn mặn, giữ ngọt, các huyện đã chủ động nạo vét trên 200 tuyến kênh bị cạn, sửa chữa 44 cống và đắp 160 đập tạm kịp thời ngăn mặn phục vụ sản xuất.

- Về cấp nước sinh hoạt nông thôn: Lắp đặt 51 vòi nước công cộng cấp nước bổ sung cho 2.200 hộ bị ảnh hưởng tại huyện Gò Công Đông.

*** Tỉnh Vĩnh Long:**

- Sau đợt hạn hán, xâm nhập mặn năm 2016 đến 2019, đã xây dựng, nâng cấp sửa 45 công trình (phần lớn là nạo vét kênh tưới), kinh phí từ nguồn kinh phí phòng, chống hạn mặn do Trung ương hỗ trợ và tỉnh đầu tư;

- Năm 2020, đã thực hiện lồng ghép các công trình phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn vào kế hoạch đầu tư công năm 2020. Cụ thể:

+ Công trình do tỉnh quản lý: Vốn đầu tư năm là 574.419 triệu đồng, 37 công trình (nguồn vốn đầu tư công), đã thực hiện 62.449 triệu đồng, đạt 10,9% kế hoạch; lũy kế giải ngân 52.145 triệu đồng, đạt 9,1% kế hoạch.

+ Các công trình do huyện, thị xã, thành phố: Đã triển khai thực hiện 108/173 công trình (hoàn thành 84 công trình). Khối lượng thực hiện là 102.324 m3 (đất, bê tông), đạt 17,5% kế hoạch.

- Tổ chức 19 cuộc tập huấn phòng chống hạn mặn trên cây trồng trên địa bàn huyện Vũng Liêm (6 cuộc), Trà Ôn (5 cuộc), Long Hồ (8 cuộc); cấp phát 48.000 tờ tài liệu về "Hướng dẫn kỹ thuật canh tác lúa và cây ăn trái trong điều kiện hạn mặn" đến các huyện; sử dụng tin nhắn SMS của tỉnh chuyển tải tình

hình nguồn nước, hạn mặn đến 293 đầu số; cấp phát cho các xã, phường, thị trấn 21.500 tờ rơi về "Hướng dẫn quy trình trữ nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường nông thôn và các giải pháp kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi trong điều kiện hạn – xâm nhập mặn";

*** Tỉnh An Giang:**

- Phối hợp tỉnh Kiên Giang vận hành hệ thống thủy lợi trong vùng Tứ giác Long Xuyên, đặc biệt các cống vùng ven biển tỉnh Kiên Giang phục vụ ngăn mặn, trữ ngọt cho vùng (An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ).

- Triển khai thực hiện đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi vùng cao ở 02 huyện miền núi Tri Tôn và Tịnh Biên. Hiện nay, đang thực hiện đầu tư 02 trạm bơm, với diện tích phục vụ 590 ha và 05 hồ chứa với hệ thống thủy lợi sau hồ, với diện tích phục vụ 988 ha.

- Từ năm 2017 đến nay, đã thực hiện chuyển đổi được 22.554 ha lúa sang cây trồng cạn ít sử dụng nước ở các khu vực nguồn nước không đảm bảo.

- Năm 2019: Triển khai 255 công trình nạo vét kênh và sửa chữa cống phục vụ nước sản xuất và dân sinh, với kinh phí trên 164,7 tỷ đồng.

- Năm 2020: Triển khai 255 công trình, chiều dài 280.132 m, khối lượng 1.028.804 m3, kinh phí 389.454 triệu đồng. Trong đó:

+ Triển khai nạo vét 111 công trình, kinh phí 246.905 triệu đồng.

+ Triển khai duy tu sửa chữa 62 cống bọng, kinh phí 34.277 triệu đồng.

- Đang thực hiện đầu tư 20 dự án thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng ứng dụng tưới tiết kiệm nước, với diện tích 3.235 ha. Đã hoàn thành đưa vào sử dụng 01 dự án ở Phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, với diện tích 62 ha.

*** Tỉnh Đồng Tháp**

- Đẩy nhanh tiến độ thi công nạo vét các công trình kênh trục, kênh tạo nguồn đến tháng 12/2019 cơ bản đã hoàn thành hạng mục nạo vét lòng kênh, với tổng chiều dài 702 km, khối lượng 2,16 triệu m3, kinh phí trên 200 tỷ đồng; bố trí trên 50 tỷ đồng sửa chữa, nâng cấp cống tưới tiêu kết hợp ụ bơm.

- Tất cả các huyện, thị xã, thành phố cũng đã chủ động xây dựng kế hoạch phòng chống hạn hán trên địa bàn, theo đó đã tổ chức:

+ Các công trình kênh mương tạo nguồn do cấp huyện quản lý đã vận động các Hợp tác xã, tổ chức bơm tưới và các đoàn thể nhân dân giải phóng các chướng ngại vật, vớt Lục Bình, rác cản trở dòng chảy.

+ Tăng thêm các máy bơm dự phòng để bơm tưới trong lúc triều cường, nạo vét các máng thu nước tại vị trí các ụ máy bơm tạo luồng thu lượng nước đủ để cung cấp nước cho các trạm bơm tưới.

+ Chủ động xuống giống vụ Hè Thu, vụ Thu Đông năm 2020 theo lịch khuyến cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tổ chức lịch xuống giống phù hợp với nguồn nước, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Xâm nhập mặn mùa khô năm 2019-2020 ở khu vực ĐBSCL ở mức nghiêm trọng nhất trong lịch sử. Tuy nhiên, mức độ gây thiệt hại đến sản xuất nông nghiệp và dân sinh được giảm thiểu đáng kể, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Để đạt được những kết quả như trên và tiếp tục thực hiện tốt công tác điều hành phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong các năm tới, bài học kinh nghiệm rút ra trong việc chỉ đạo điều hành như sau:

1. Công tác dự báo xâm nhập mặn đã được các đơn vị chuyên ngành dự báo khí tượng, thủy văn và dự báo khí tượng, thủy văn chuyên dùng của các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tốt, nhất là việc nhận định sớm thời điểm xâm nhập mặn ảnh hưởng là thông tin cực kỳ quan trọng trong việc bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp với tình trạng nguồn nước.

2. Sự chỉ đạo, điều hành sớm, sát sao các giải pháp ứng phó của Lãnh đạo Chính phủ, Lãnh đạo các Bộ, ngành đã giúp các địa phương và các cơ quan liên quan có kế hoạch thực hiện sớm các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, đặc biệt việc khoanh vùng, cắt giảm, chuyển đổi thời vụ sản xuất để né mặn, giảm thiểu diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn.

3. Sự phối hợp tốt của các cơ quan truyền thông trong việc cảnh báo sớm và thường xuyên về tình hình nguồn nước, diễn biến xâm nhập mặn, công tác chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành đã giúp phổ biến kịp thời, rộng rãi thông tin giúp các địa phương, người dân và các cơ quan liên quan chủ động nắm bắt tình hình, triển khai các giải pháp ứng phó; việc đa dạng hóa phương thức, phổ biến thông tin qua các mạng xã hội, như: facebook, zalo, viber,..cũng mang lại hiệu quả tích cực.

4. Việc bố trí diện tích, cơ cấu thời vụ (thời gian gieo cấy) phù hợp với tình hình diễn biến xâm nhập mặn, nguồn nước là giải pháp hữu hiệu để ứng phó với xâm nhập mặn. Giải pháp này cần phải tiếp tục nghiên cứu, triển khai áp dụng cho ĐBSCL và các khu vực trên cả nước.

5. Việc thu thập thông tin từ thượng nguồn để hỗ trợ thực hiện việc dự báo xâm nhập mặn là rất cần thiết, như: Diễn biến dòng chảy thượng nguồn

sông Mê Công, diễn biến thủy triều do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng ngày càng cực đoan, khó lường đã tác động mạnh mẽ đến tình trạng xâm nhập mặn ĐBSCL, tình trạng này có nguy cơ xảy ra ngày càng thường xuyên hơn; do vậy, cần tiếp tục phải tăng cường trong thời gian tới, đặc biệt là nâng cao chất lượng dự báo dài hạn.

6. Công tác thủy lợi như nạo vét cửa lấy nước, hệ thống kênh mương, đào ao, giếng, đắp đập tạm ngăn mặn, lắp đặt trạm bơm dã, đầu tư xây dựng các công trình kiểm soát mặn đóng vai trò rất quan trọng; thực tế, trong đợt xâm nhập mặn vừa qua, diện tích ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp giảm nhiều so với đợt xâm nhập mặn mùa khô 2015-2016 có sự đóng góp không nhỏ của các công tác thủy lợi, đặc biệt các công trình kiểm soát mặn đã giúp chủ động trực tiếp kiểm soát và hỗ trợ kiểm soát xâm nhập mặn cho gần 400.000 ha đất nông nghiệp, giảm thiểu phần lớn thiệt hại.

7. Công tác dự báo xâm nhập mặn, nguồn nước đã được các cơ quan chuyên môn thực hiện tốt; việc đo đạc độ mặn trước khi lấy nước cũng được các đơn vị chuyên môn ở địa phương và người dân thực hiện; tuy nhiên, việc quan trắc độ mặn phần lớn được thực hiện bằng biện pháp thủ công nên mất nhiều thời gian; dẫn đến việc hỗ trợ cho việc vận hành công trình thủy lợi chưa kịp thời. Ngoài ra, việc xâm nhập mặn duy trì ở các sông Hàm Luông, Cửa Tiểu, Cửa Đại duy trì liên tục ở mức cao (không giảm theo quy luật) chưa được cảnh báo từ trước nên có phần bị động trong công tác ứng phó.

8. Việc nâng cao nhận thức của người dân về nguy cơ, diễn biến, ảnh hưởng tác động của xâm nhập mặn là rất cần thiết, để từ đó, người dân chủ động có phương án ứng phó, tuân thủ theo khuyến cáo của các cơ quan chuyên môn sẽ làm giảm thiệt hại rất nhiều.

9. Việc chủ động tích trữ nước sớm, tại chỗ của người dân ngay trong mùa mưa (bể, bồn, lu, túi đựng nước, thiết bị xử lý nước...); lắp đặt các vòi nước công cộng; sử dụng các phương tiện di động để chở nước đến từng cụm dân cư, hộ gia đình đã mang lại hiệu quả cao trong việc duy trì nước sinh hoạt tối thiểu cho người dân.

10. Thực hiện mở rộng tuyến ống cấp nước theo hình thức xã hội hóa, Nhà nước và nhân dân cùng làm, Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn cung cấp vật tư, nhân công kỹ thuật lắp đặt ống nước, người dân tham gia ngày công lao động đào đường rãnh đặt ống nước là kinh nghiệm có thể triển khai mở rộng. Thực tế tại Sóc Trăng đã tiết kiệm khoảng 30% kinh phí thực hiện.

11. Hiện nay, chưa có quy định pháp luật cụ thể về việc công bố tình trạng khẩn cấp thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn ở các địa phương; do vậy, khó

khăn cho việc thống nhất chỉ đạo, điều hành các giải pháp ứng phó (thực tế, một số địa phương trong 6 tỉnh ở ĐBSCL công bố tình trạng khẩn cấp năm 2019-2020 không hẳn là các địa phương bi ảnh hưởng nặng hơn 1 số địa phương không công bố).

12. Sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức Quốc tế, trong nước, các cá nhân trong việc đóng góp sáng kiến, kinh nghiệm ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn; sản xuất, hỗ trợ các trang thiết bị trữ, lọc nước sinh hoạt đã đóng góp quan trọng trong việc giảm thiểu tác động của hạn hán, xâm nhập mặn, đặc biệt trong việc bảo đảm nước sinh hoạt cho người dân.

V. CÁC GIẢI PHÁP CẦN TIẾP TỤC QUAN TÂM THỰC HIỆN

1. Giải pháp ngắn hạn

- Tăng cường công tác dự báo nguồn nước, hạn hán, xâm nhập mặn; theo dõi chặt chẽ, phổ biến rộng rãi qua phương tiện thông tin đại chúng đến người dân để chủ động giảm thiểu thiệt hại do hạn-mặn gây ra.

- Chú trọng thực hiện các giải pháp thủy lợi, như: nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy, lắp đặt các trạm bơm dã chiến, tranh thủ lợi dụng thủy triều để bơm nước, đắp đập tạm để ngăn mặn, trữ nước tại các khu vực chưa có công trình thủy lợi khép kín ở khu vực ven sông Vàm Cỏ (tỉnh Tiền Giang); các huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Trà Cú,..(tỉnh Trà Vinh); khu vực sản xuất lúa trên đất tôm - lúa và lúa Đông Xuân tỉnh Bạc Liêu,..; trong đó, chú trọng ứng dụng phù hợp các công nghệ xây dựng đập tạm tiên tiến, bảo đảm thi công nhanh, khả năng thích hợp với nhiều loại địa hình và giá thành rẻ.

- Tổ chức vận hành hợp lý công trình thủy lợi để tranh thủ lấy nước khi độ mặn ở mức cho phép và ngăn mặn xâm nhập vào nội đồng, đặc biệt tại các cống thuộc hệ thống thủy lợi Bảo Định (Tiền Giang), Nam Măng Thít (Trà Vinh, Vĩnh Long); với hệ thống thủy lợi Quản Lộ - Phụng Hiệp, cần có sự phối hợp vận hành bảo đảm đáp ứng nhu cầu khác nhau về nước ngọt, mặn của các địa phương.

- Rà soát diện tích vườn cây ăn trái và vườn giống cây ăn trái ở các khu vực thuộc ĐBSCL có nguy cơ ảnh hưởng của hạn, mặn, chi tiết đến từng loại cây trồng và từng huyện, hướng dẫn bằng tài liệu, truyền thông trên báo, truyền hình Trung ương và địa phương các giải pháp chủ động ứng phó với hạn, mặn, thông qua tài liệu tuyên truyền khuyến nông hướng dẫn kỹ thuật canh tác lúa và cây ăn trái trong điều kiện hạn, mặn vùng ĐBSCL, sử dụng tối đa nguồn vật liệu hữu cơ (rơm rạ, cỏ khô, lá khô, lục bình …) hoặc màng phủ nông nghiệp để phủ gốc để giữ ẩm cho cây.

- Bố trí lịch thời vụ hợp lý, tiếp tục điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng phù hợp theo hướng chuyển đổi diện tích trồng lúa ở vùng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn sang cây trồng cạn;

- Đối với nuôi trồng thủy sản, cần xác định vùng nuôi thủy sản nước mặn ổn định, có ranh giới mặn ngọt rõ ràng, để chủ động phương án điều tiết nước phù hợp. Tăng cường quan trắc môi trường vùng nuôi để có các giải pháp ứng phó kịp thời; có kế hoạch thả giống phù hợp, không thả giống vào thời điểm khô hạn và xâm nhập mặn, tăng cường sử dụng chế phẩm vi sinh nhằm cải thiện chất lượng nước để hạn chế việc thay nước thường xuyên; hạn chế cho ăn khi độ mặn tăng; chủ động thu hoạch khi thủy sản nuôi đạt kích thước thương phẩm trước khi xâm nhập mặn xảy ra.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đang được đầu tư xây dựng để sớm hoàn thành đưa vào phục vụ sản xuất, thuộc nguồn vốn của trung ương và địa phương.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các công trình kiên cố tại những vị trí thường xuyên phải đắp đập tạm, mang tính chất liên vùng, có vai trò quan trọng đến bảo vệ nguồn nước ngọt của các nhà máy nước sinh hoạt, vùng trồng cây ăn trái, vùng sản xuất nước ngọt để thay thế các đập tạm, nhằm chủ động ứng phó với tình trạng hạn mặn. (Danh mục các vị trí đề xuất dự kiến tại Phụ lục 2).

- Đối với việc bảo đảm nước sinh hoạt, giải quyết theo nguyên tắc, nguồn cho nước sinh hoạt giải quyết độc lập, tách bạch với nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, bảo đảm chất lượng cho nguồn nước sinh hoạt tránh nguy cơ ô nhiễm từ chất thải của hoạt động sản xuất nông nghiệp, đồng thời tăng mức bảo đảm vì thực tế nguồn nước cung cấp cho sản xuất nông nghiệp hiện chỉ được thiết kế với tần suất cao nhất đến 85%.

Thực hiện việc rà soát, khoanh vùng, cân đối nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt trong điều kiện bình thường và điều kiện cực đoan đến từng xóm, thôn, xã, huyện để có giải pháp phù hợp. Chú trọng đến các giải pháp:

+ Xây dựng bổ sung các nhà máy cấp nước tập trung có nguồn nước ổn định; tăng công suất, kéo dài đường ống cấp nước sinh hoạt từ các khu vực đô thị đến vùng nông thôn lân cận.

+ Tiếp tục xây dựng các khu trữ nước dành riêng cho sinh hoạt với quy mô phù hợp với địa hình, nguồn nước cung cấp, bảo đảm trữ đủ lượng nước trong trường hợp cực đoan nhất về hạn hán, xâm nhập mặn.

+ Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến thông tin về tình trạng xâm nhập mặn và hướng dẫn các giải pháp phòng, chống hạn hán xâm nhập mặn trên các phương tiện thông tin đại chúng; giới thiệu giải pháp xử lý nước sinh

hoạt trong thiên tai, tuyên truyền cho các hộ gia đình trữ nước và sử dụng nước tiết kiệm trong thời gian hạn hán, xâm nhập mặn.

+ Tăng cường giải pháp cấp nước hộ gia đình như xây dựng bể trữ nước mưa, mua túi vải kỹ thuật trữ nước, khoan giếng cấp nước theo nhóm từ 3-5 hộ sử dụng.

+ Hỗ trợ vay vốn cấp nước hộ gia đình thông qua nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội.

+ Thực hiện giải pháp cấp nước cho các hộ dân qua thiết bị lọc nước mặn, nước lợ RO đảm bảo cấp nước cho người dân bị ảnh hưởng.

+ Từng bước đầu tư chuyển các đập tạm thành công trình điều tiết nguồn nước phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn.

2. Giải pháp dài hạn

a) Giải pháp công trình:

- Giai đoạn trước mắt, tăng cường các giải pháp chủ động cấp nước cho các vùng xa nguồn ngọt, chú trọng tích nước tại chỗ, xây dựng mới các công trình kiểm soát mặn, trạm bơm, xây dựng hệ thống kênh trục chuyển nước, chuyển đổi một số đập tạm thành các cống chủ động điều tiết... Về lâu dài, xem xét tiếp việc xây dựng công trình kiểm soát các cửa sông lớn để kiểm soát nguồn nước ngọt, khống chế ranh mặn hợp lý, kết hợp chống ngập và hạn chế các tác động từ biển, chủ động điều hòa, phân phối nguồn nước hợp lý cho các đối tượng sử dụng nước ở các vùng sinh thái theo định hướng sau:

+ Vùng Thượng: Hoàn thiện các cống dưới đê bao, bờ bao bảo đảm chủ động xả lũ và tích trữ nước vào mùa khô; bổ sung các trạm bơm tiêu úng để phòng, chống ngập lụt, úng trong mùa mưa; nghiên cứu, xem xét việc xây hồ chứa tích trữ nước;

+ Vùng Giữa: Nâng cấp, khép kín các ô bao kiểm soát lũ, xâm nhập mặn vùng cây ăn trái; bổ sung cửa van chủ động kiểm soát mặn tại các cửa lấy nước có nguy cơ bị xâm nhập mặn; cải tạo các cửa cống, nạo vét các tuyến kênh chuyển, phân phối nước liên vùng, tạo nguồn cấp nước cho vùng Ven biển; nghiên cứu, xem xét các khu vực phù hợp để tích trữ nước ngọt sử dụng trong mùa khô;

+ Vùng Ven biển: Đầu tư, nâng cấp hệ thống tiếp ngọt; đầu tư, nâng cấp hoàn thiện công trình kiểm soát triều cường; công trình chuyển nước ngọt liên vùng cho vùng nuôi trồng thủy sản; xây dựng các hồ trữ nước trên cơ sở tận dụng các đoạn, nhánh sông cụt, vùng trũng để tạo nguồn cấp nước sinh hoạt;

Trên cơ sở định hướng của các vùng sinh thái như trên, các nhóm dự án cần được nghiên cứu và xem xét đầu tư như sau:

+ Sửa chữa, nâng cấp hệ thống đê bao, bờ bao nội đồng hiện có, bảo đảm kiểm soát lũ, triều và xâm nhập mặn;

+ Cải tạo các cửa cống lấy nước hiện có ở vùng ảnh hưởng triều, bảo đảm chủ động vận hành lấy nước ngọt, nước mặn và tiêu thoát nước;

+ Hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng, xây dựng bổ sung các cống dưới đê bao, bờ bao, trạm bơm, các cống đầu kênh, tách riêng kênh cấp nước, tiêu nước cho khu NTTS; nạo vét hệ thống kênh, rạch bảo đảm vận hành đúng năng lực thiết kế, chủ động dẫn nước tưới, tiêu;

+ Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình để khép kín các hệ thống thủy lợi, kiểm soát, chuyển nước liên vùng và các công trình thủy lợi khác, cụ thể: Nạo vét các trục kênh nối sông Tiền, sông Hậu; các trục kênh nối sông Hậu với vùng ven biển Bán đảo Cà Mau để tăng khả năng cấp nước; các kênh tiếp nước từ hệ thống thủy lợi Quản Lộ- Phụng Hiệp cho vùng ven biển Vĩnh Châu (tỉnh Bạc Liêu); kênh tiếp nước từ sông Tiền về hệ thống thủy lợi Gò Công (tỉnh Tiền Giang); kênh tiếp nước cho vùng ven biển thuộc hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít; tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 2 để phát huy đồng bộ hiệu quả công trình với giai đoạn 1;

+ Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất xây dựng các khu trữ nước ngọt vùng ngập sâu ở Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên để cấp nước trong mùa khô;

+ Nghiên cứu xây dựng các cửa cống ngăn cửa sông chính như Cổ Chiên, Cung Hầu, Hàm Luông,…;

+ Nghiên cứu các giải pháp chuyển nước bằng động lực cho các khu vực ven biển, xa nguồn nước (trạm bơm, đường ống, cầu máng...);

- Huy động nguồn lực tổng hợp đầu tư cho phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu, phân bổ đầu tư hợp lý trung và dài hạn, có lộ trình cụ thể đối với các công trình hạ tầng thiết yếu cấp tiểu vùng và toàn vùng, như: công trình thủy lợi gắn với hệ thống giao thông huyết mạch về đường bộ, đường sông, cảng nước sâu,..; công trình tích hợp vùng nguyên liệu tập trung tại các vùng an toàn và vùng chuyển đổi; công trình hạ tầng cơ bản phục vụ đời sống người dân tại các vùng cần di dân, đảm bảo an toàn trước các ảnh hưởng của bão, lũ, nước biển dâng, ngập mặn.

- Tiến hành đo đạc, khảo sát, nghiên cứu và đánh giá chính xác và khách quan nhằm tìm ra nguyên nhân của tình trạng sụt lún đất để xác định giải pháp căn cơ, bền vững khi lập Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Về cấp nước sinh hoạt nông thôn:

+ Đề xuất các giải pháp nguồn nước thay thế nguồn nước từ khai thác nguồn nước ngầm.

+ Đề xuất Ngân hàng Thế giới hỗ trợ thực hiện dự án "*Nước sạch và vệ sinh nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025 vay vốn Ngân hàng thế giới*", thực hiện tại các tỉnh duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Rà soát tổng thể hiện trạng và nhu cầu cấp nước sinh hoạt nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021-2025 và đề xuất giải pháp cấp nước sinh hoạt theo hướng gia tăng các hộ được cấp nước từ công trình cấp nước tập trung đảm bảo chất lượng và số lượng, cấp nước theo nhóm hộ gia đình và xây dựng bản đồ hiện trạng và phương án cấp nước sinh hoạt nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo các loại hình, nhất là giải pháp ứng phó trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

+ Đối với khu vực dân cư sống phân tán, thưa thớt, vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển, hải đảo thường xuyên chịu ảnh hưởng thiếu nước, xâm nhập mặn cần đầu tư xây dựng bể chứa nước mưa hộ gia đình, cấp nước hộ gia đình phục vụ cấp nước sinh hoạt.

b) Giải pháp phi công trình

- Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện quy hoạch vùng và tiểu vùng theo hướng tích hợp đa ngành, gắn kết với quy hoạch tổng thể về phát triển đa ngành; quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai, đảm bảo an toàn trước các ảnh hưởng của bão, lũ, nước biển dâng, ngập mặn, đặc biệt tập trung vào vùng ven biển;

- Xây dựng Chương trình thúc đẩy nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh thích ứng với biến đổi khí hậu cho các ngành hàng với sự tham gia và liên kết giữa các cơ quan khoa học, tổ chức khuyến nông, doanh nghiệp, hợp tác xã và chính quyền địa phương.

- Xây dựng các bộ quy tắc ứng xử chung của tiểu vùng, vùng về quy hoạch, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi và dự báo biến động nguồn nước, hệ thống thông tin trực quan, công nghệ cao hỗ trợ vận hành các hệ thống thủy lợi để điều tiết lũ và mặn một cách tối ưu, thích ứng với thay đổi của điều kiện tự nhiên.

- Quản lý vùng thiên tai trên cơ sở phân chia theo hệ sinh thái xâm nhập mặn, ngập lụt để quản lý và khai thác một cách khoa học, dễ dàng bố trí cơ cấu mùa vụ, giải pháp định canh, định cư an toàn và ổn định, giải pháp cấp nước, tiêu thoát nước.

- Tăng cường dự báo và cảnh báo hạn hán, xâm nhập mặn, hạn hán, đặc biệt là dự báo dài hạn; ưu tiên lắp đặt thiết bị quan trắc độ mặn trực tuyến và thiết lập công cụ trực quan hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Thành lập Ban điều phối phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng BĐKH cho từng tiểu vùng, trực thuộc hoặc liên kết chặt chẽ với Hội đồng vùng có chức năng điều phối liên ngành, liên địa phương.

- Xây dựng đề án tăng cường hợp tác Mê Công, Mê Công – Lan Thương có hiệu quả để hợp tác chặt chẽ với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Công để chia sẻ thông tin, nghiên cứu cơ chế hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của phát triển thượng nguồn sông đến ĐBSCL và các nước hạ lưu khác.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tăng cường công tác phòng chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn khu vực Đồng bằng sông cửu Long, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các bộ, ngành liên quan và các địa phương phối hợp thực hiện các nội dung sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

- Chủ động bố trí ngân sách địa phương và các nguồn vốn xã hội hóa để triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách và lâu dài phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

- Khẩn trương phân bổ, sử dụng đúng mục đính kinh phí đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định hỗ trợ, gồm: Bơm nước; nạo vét kênh mương, đắp đập tạm ngăn mặn giữ ngọt; đào ao, giếng trữ nước ngọt; kéo dài đường ống cấp nước sinh hoạt; mua thiết bị lọc, trữ nước; vận chuyển nước cho người dân, bệnh viện, trường học tại vùng khó khăn về nguồn nước ngọt.

- Chủ động bố trí ngân sách hoặc có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tạm ứng ngân sách để thực hiện hỗ trợ đối với diện tích bị thiệt hại theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

2. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai: Để thống nhất quản lý, đề nghị bổ sung quy định pháp luật cụ thể về nội dung quy trình công bố thiên tai.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Tăng cường công tác dự báo, đặc biệt là dự báo dài hạn để sớm cung cấp các bản tin nhận định về tình hình khí tượng thủy văn, tình hình hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn cho các cơ quan liên quan và các địa phương để chỉ đạo

sản xuất phù hợp với điều kiện nguồn nước và chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan làm việc với các nước thượng nguồn sông Mê Kông để thu thập thông tin về nguồn nước và điều tiết các hồ chứa thủy điện ngoài lãnh thổ Việt Nam để phục vụ công tác dự báo xâm nhập mặn; đề xuất tăng cường xả nước từ các hồ chứa thủy điện để đẩy mặn cho ĐBSCL trong trường hợp cần thiết.

4. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ kinh phí thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh cho các địa phương, cụ thể: Chi phí điện, dầu bơm nước, nạo vét cửa lấy nước, hệ thống kênh mương, đắp đập tạm ngăn mặn, trữ ngọt, lắp đặt trạm bơm dã chiến, đào ao, giếng trữ nước, khoan giếng, kéo dài đường ống cấp nước, các thiết bị trữ nước, lọc nước mặn thành nước ngọt, chở nước sinh hoạt,…;

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2020; trong đó, có các quy định về quy trình, thủ tục hỗ trợ kinh phí phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn cho các địa phương (theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 04/CT-TTg ngày 22/1/2020).

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí vốn đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình cấp bách tham gia phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ưu tiên bố trí vốn đầu tư các công trình ưu tiên chống hạn, ngăn mặn (bổ sung công trình khép kín các hệ thống thủy lợi đã có, nạo vét các kênh trục chuyển nước, xây dựng các trạm bơm cột nước thấp trên kênh, xây dựng hạ tầng thủy sản,....).

6. Bộ Ngoại giao: Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc theo dõi tình hình nguồn nước về Đồng bằng sông Cửu Long và điều tiết các hồ chứa thủy điện ngoài lãnh thổ Việt Nam.

7. Bố trí chương trình đầu tư riêng đối với công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đối với các tỉnh thường xuyên bị hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong chương trình đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN